TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2023
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dựng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/04/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 2002; địa chỉ: Khu dân cư H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức M; sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn K, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị Đ; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn K, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Mạc Thị T; sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau*:** Chị và anh Nguyễn Đức M kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại nhà đất của mẹ đẻ anh M tại thôn K, xã T, thị xã K. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về làm ăn kinh tế và bản thân chị và gia đình nhà chồng cũng có mâu thuẫn với nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị và anh M đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh M nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 02/01/2021 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 09/02/2022. Các con chung của anh chị ở với anh M từ khi mới sinh cho đến nay. Nay anh M yêu cầu được trực tiếp cuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung, chị đồng ý. Chị xác định anh M có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn anh Nguyễn Đức M trình bày: Về điều kiện kết hôn, anh trình bày như chị L trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống tại nhà, đất của mẹ đẻ anh tại thôn K, xã T, thị xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có những hành xử và lời lẽ không đúng mực với anh và gia đình nhà chồng, thường xuyên đi nói xấu gia đình nhà chồng và thường xuyên cãi vã với mẹ đẻ anh. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại KDC H, phường A, thị xã K ở từ ngày 27/9/2021 cho đến nay. Nay anh xác định đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ chị L nhưng chị L vẫn không thay đổi và vẫn giữ quan điểm xin ly hôn nên anh đề nghị Toà án giải quyết theo ý kiến của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L khai trên. Nay anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện đang làm nghề bán Vịt quay, thu nhập từ 7 đến 10 triệu đồng/tháng, thu nhập ổn định. Anh hiện có chỗ ở ổn định, đảm bảo để nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của người làm chứng:

+ Bà Mạc Thị T là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L trình bày: Sau khi kết hôn, chị L và anh M chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về làm ăn kinh tế. Ngoài ra chị L có mâu thuẫn với mẹ chồng. Gia đình cũng nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ anh chị về đoàn tụ nhưng đều không có kết quả. Nay chị L có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Toà án giải quyết theo ý kiến của chị L.

+ Bà Trần Thị Đ là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức M trình bày: Sau khi kết hôn, anh M và chị L chung sống tại nhà, đất của bà tại thôn K, xã T, thị xã K. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ phía chị L. Quá trình chung sống chị L có những hành xử và lời lẽ không đúng mực với bà, thường xuyên đi nói xấu gia đình nhà chồng và thường xuyên cãi vã với bà. Đã nhiều lần gia đình và họ hàng dạy bảo, khuyên nhủ nhưng chị L vẫn không thay đổi. Do thường xuyên xảy ra nên tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh M; giữa chị L và gia đình nhà chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến của chị L.

Chị L và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thảo V và Nguyễn Minh P. Bà đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng vì thực tế anh M là người chăm sóc con từ khi mới sinh đến nay.

- Tại Biên bản xác minh, UBND xã T và trưởng thôn K, xã T cung cấp:

Chị L và anh M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2020. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống và làm ăn kinh tế tại thôn K, xã T. Quá trình chung sống, địa phương có nắm được anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được tình trạng mâu thuẫn của anh chị, chỉ biết rằng chị L và anh M đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, hiện chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại KDC H, phường A, thị xã K ở. Chị L và anh M có 02 con chung hiện đang ở cùng anh M. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn anh M, đề nghị Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L và anh M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thảo V và Nguyễn Minh P cho anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con

chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đức M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 21/12/2020 tại UBND xã T, thị xã K. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và mâu thuẫn giữa chị L và gia đình nhà chồng. Chị L và anh M đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Chị L giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh M. Anh M đề nghị Toà án giải quyết theo ý kiến của chị L. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức M là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 02/01/2021 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 09/02/2022. Các con chung đang ở cùng anh M. Chị L và anh M đều có quan điểm giao cháu Nguyễn Thảo V và cháu Nguyễn Minh P cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L và anh M xác định anh M có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L và anh M, giao các cháu Nguyễn Thảo V và Nguyễn Minh P cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia

đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 02/01/2021 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 09/02/2022 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002046 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị L và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết